TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2023/DS-ST
Ngày 15/3/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và "Tranh chấp hợp đồng góp họ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Oai**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Hoa**

Ông **Hồ Hải Hùng**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Phương** - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", "Tranh chấp hợp đồng góp họ"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/HPT-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Thu T**, sinh năm: 1963

Nơi cư trú: Thôn Hội Phú Bắc 1, xã N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn*:

1/ Ông **Phạm Văn H**, sinh năm: 1976

2/ Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Thôn B, xã N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Ông H, bà Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Trần Thị Thu T trình bày*: Do có Qn hệ quen biết chơi huê với bà Nguyễn Thị Q nên bà có cho vợ chồng ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q mượn tổng số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)*, mục đích mượn để trả nợ và số tiền cho mượn trên là tiền cá nhân của bà. Khi mượn tiền hai bên có lập giấy mượn tiền lập ngày 24/4/2020 (Âm lịch). Bà và vợ chồng ông H, bà Q có thỏa thuận mỗi tháng trả 3.000.000đ cho đến khi trả hết số tiền 30.000.000đ và có thỏa thuận miệng trả lãi riêng hàng tháng 300.000đ. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Q có tham

gia hai đầu huê do bà làm cái, cụ thể mỗi tháng, đầu một đóng 2.000.000đ/tháng và đầu hai đóng 1.000.0000đ/tháng. Bà Q tham gia chơi từ đầu năm 2020 và hốt ngay hai đầu và đóng huê các tháng tiếp theo. Nhưng bà Q chỉ đóng huê được 03 tháng (cho hai đầu) và sau đó không đóng nữa. Bà xác định bà Q còn nợ của bà số tiền huê là 30.000.000đ. Đến nay, bà cần lấy lại số tiền đã cho ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q mượn là 30.000.000đ và tiền nợ huê của bà Q là 30.000.000đ nhưng ông H, bà Q không chịu trả dù bà đã yêu cầu trả nợ nhiều lần. Ngày 26/9/2022 bà có thông báo cho ông H, bà Q bằng văn bản giấy đề nghị trả nợ và gửi bằng đường bưu điện cho ông H, bà Q nhưng từ đó đến nay, ông H, bà Q vẫn không có phải hồi cũng như trả nợ. Bà xác định chữ ký trong giấy mượn tiền lập ngày 24/4/2020 âm lịch là chữ ký của ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q và chữ ký trong các giấy hốt huê là của bà Nguyễn Thị Q, không có chữ ký của ông Phạm Văn H.

Nay bà xác định số tiền 30.000.000đ giấy mượn tiền lập ngày 24/4/2020 (Âm lịch) là nợ của vợ chồng ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q. Còn số tiền nợ huê 30.000.000đ là nợ riêng của bà Nguyễn Thị Q nên bà rút yêu cầu về việc "Tranh chấp hợp đồng góp họ" đối với ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q số tiền 30.000.000đ để khởi kiện bà Nguyễn Thị Q bằng vụ án khác.

Bà yêu cầu ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q trả số tiền 30.000.000đ (là số tiền mượn chưa trả theo giấy mượn tiền lập ngày 24/4/2020 (Âm lịch) một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q trả lãi.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 13/12/2022, bị đơn – ông Phạm Văn H trình bày*: Ngày 24/4/2020 (Âm lịch), ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị Q có mượn của bà Trần Thị Thu T số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Giữa hai bên có lập văn bản "giấy mượn tiền" có chữ ký của hai bên, thỏa thuận hàng tháng sẽ trả tùy theo thu nhập, có bao nhiêu thì trả bấy nhiêu. Số tiền mượn trên vợ chồng ông sử dụng để trả nợ và sinh hoạt trong gia đình. Sau đó do ông bị tai nạn và công việc không ổn định nên không có điều kiện để trả nợ cho bà T. Nay ông thừa nhận vợ chồng ông còn nợ của bà T số tiền 30.000.000đ và ông xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 500.000đ.

Đối với số tiền nợ huê theo đơn khởi kiện của bà T thì ông không biết, ông không ký nhận huê, vợ ông có tham gia huê hay không thì ông không biết, vợ ông cũng không nói với ông. Do ông bị tai nạn lao động, không có điều kiện đi lại nên ông yêu cầu Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng và xét xử vắng mặt ông.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Q trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên không có lời khai trong vụ án.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:*

+ Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân, nguyên đơn, bị đơn Phạm Văn H đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Phạm Văn H có yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng bị đơn Nguyễn Thị Q đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Ngày 24/4/2020 (Âm lịch), bà Trần Thị Thu T có cho

vợ chồng ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q mượn tổng số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)*, mục đích mượn để trả nợ. Khi mượn tiền hai bên có lập giấy mượn tiền lập ngày 24/4/2020 (Âm lịch), có thỏa thuận trả lãi riêng nhưng ông H, bà Q không thực hiện theo thỏa thuận. Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà Q trả nhưng không thực hiện. Ngày 26/9/2022 bà T có thông báo cho ông H, bà Q bằng văn bản giấy đề nghị trả nợ và gửi bằng đường bưu điện cho ông H, bà Q nhưng từ đó đến nay, ông H, bà Q vẫn không có phải hồi cũng như trả nợ. Nay bà T có đơn khởi kiện yêu cầu ông H, bà Q phải thanh toán số tiền 30.000.000đ một lần và không yêu cầu tính lãi. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q phải trả cho bà Trần Thị Thu T số tiền 30.000.000đ một lần, không tính lãi suất. Bà Trần Thị Thu T rút yêu cầu về việc "Tranh chấp hợp đồng góp họ" đối với ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q số tiền 30.000.000đ, việc rút yêu cầu trên là tự nguyên nên cần chấp nhận. Về án phí: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Q là bị đơn trong vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã tiến hành tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương và nơi cư trú nhưng bà Q vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Bị đơn Phạm Văn H có yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Q, ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về Qn hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị Thu T yêu cầu ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q trả số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* là số tiền vay chưa trả. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

[3] Xét nội dung vụ án: Văn bản giấy mượn tiền đề ngày 24/4/2020 (Âm lịch), mà nguyên đơn xuất trình thể hiện ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q có mượn của bà Trần Thị Thu T với tổng số 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* có chữ ký của ông H, bà Q. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q phải trả số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* và không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo văn bản giấy mượn tiền đề ngày 24/4/2020 (Âm lịch) mà nguyên đơn xuất trình thể hiện ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q có mượn của bà Trần Thị Thu T với tổng số 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)*, bị đơn Phạm Văn H thừa nhận cả ông H và bà Q đều ký tên vào các giấy mượn tiền trên. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập Nguyễn Thị Q tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên xem như cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và tự tước mất quyền lợi của mình tại phiên

tòa. Do vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu T và buộc ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q phải trả số 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* cho bà Trần Thị Thu T một lần. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Bà Trần Thị Thu T rút yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp họ"* đối với ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q số tiền 30.000.000đ, việc rút yêu cầu trên là tự nguyên nên cần chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải trả 30.000.000đ, được tính như sau: (30.000.000đ + x 5%) = 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm ngàn đồng)*. Hoàn lại cho bà Trần Thị Thu T số tiền 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005358 ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 269; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463; khoản 1 Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T.

- Buộc ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q phải trả số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* cho bà Trần Thị Thu T một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp họ"* giữa nguyên đơn bà Trần Thị Thu T đối với bị đơn ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q số tiền 30.000.000đ.

- Người khởi kiện có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện cho đương sự theo khoản 3 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q phải chịu 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Trần Thị Thu T số tiền 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005358 ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

** Quy định chung: Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hánh án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
-VKSND thị xã Ninh Hòa;
-Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Oai